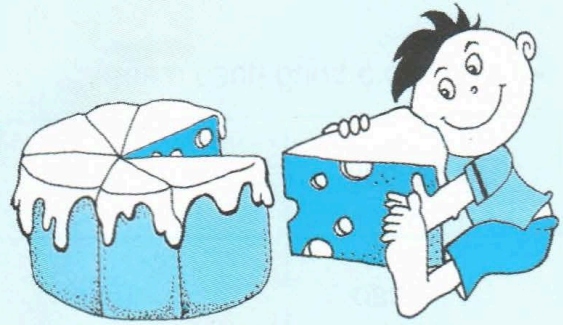


Chương bốn

PHÂN SỐ - CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ.

GIỚI THIỆU HÌNH THOI

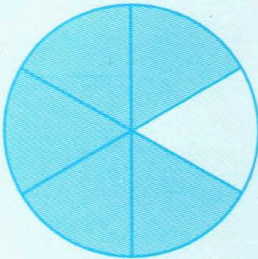


1. PHÂN SỐ



PHÂN SỐ

a)



Chia hình tròn thành 6 phần bằng nhau, tô màu 5 phần.
Ta nói : Đã tô màu *năm phần sáu* hình tròn.

Ta viết : $\frac{5}{6}$, đọc là *năm phần sáu*.

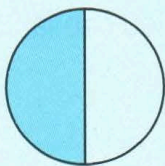
Ta gọi $\frac{5}{6}$ là *phân số*.

Phân số $\frac{5}{6}$ có *tử số* là 5, *mẫu số* là 6.

Mẫu số là số tự nhiên viết dưới gạch ngang. Mẫu số cho biết hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau.

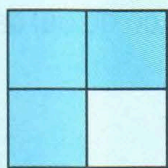
Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang. Tử số cho biết 5 phần bằng nhau đã được tô màu.

b) *Ví dụ* : Phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây được viết, đọc như sau :



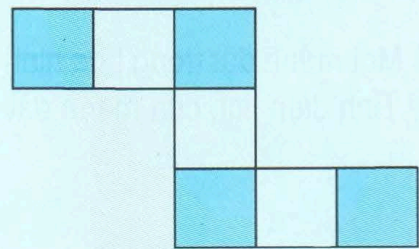
Viết : $\frac{1}{2}$

Đọc : một phần hai



Viết : $\frac{3}{4}$

Đọc : ba phần tư



Viết : $\frac{4}{7}$

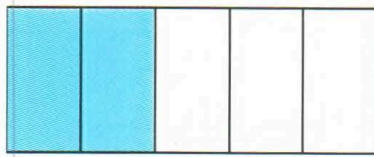
Đọc : bốn phần bảy

c) *Nhận xét* : $\frac{5}{6}$; $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{4}{7}$ là những phân số.

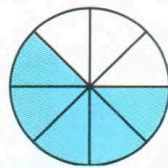
Mỗi phân số có tử số và mẫu số. Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang.

Mẫu số là số tự nhiên khác 0 viết dưới gạch ngang.

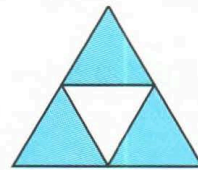
1 a) Viết rồi đọc phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây :



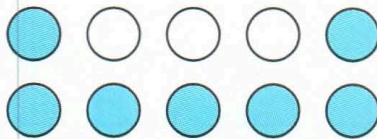
Hình 1



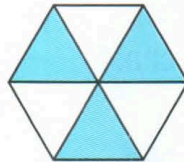
Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

b) Trong mỗi phân số đó, mẫu số cho biết gì, tử số cho biết gì ?

2 Viết theo mẫu :

Phân số	Tử số	Mẫu số
$\frac{6}{11}$	6	11
$\frac{8}{10}$		
$\frac{5}{12}$		

Phân số	Tử số	Mẫu số
	3	8
$\frac{18}{25}$		
	12	55

3 Viết các phân số :

- Hai phần năm ;
- Mười một phần mười hai ;
- Bốn phần chín ;
- Chín phần mười ;
- Năm mươi hai phần tám mươi tư.

4 Đọc các phân số : $\frac{5}{9}$; $\frac{8}{17}$; $\frac{3}{27}$; $\frac{19}{33}$; $\frac{80}{100}$.